

Bản án số: 83/2017/HSST

Ngày: 19/9/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thọ

Ông Đặng Kim Quý

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSST ngày 24/8/2017, đối với bị cáo:

Đào Tiến L - Sinh năm 1949

ĐKKHKT: Xóm 33 - xã Đ - huyện Y - tỉnh Nam Định

Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Bố đẻ: Đào Tiến Tr; Mẹ đẻ: Trần Thị C (đều đã mất).

Vợ: Trần Thị N, sinh năm 1952; Có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1971, con nhỏ nhất sinh năm 1984

Tiền án, tiền sự: Không có

Nhân thân:

- Ngày 19/9/1987 bị TAND tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan Nhà nước, của tổ chức xã hội” theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 211 BLHS năm 1985.

- Bản án số 71/2016/HSST ngày 14/09/2016, TAND tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/03/2016.

Bị cáo đang bị tạm giam theo bản số án số 71/2016/HSST ngày 14/09/2016 của TAND tỉnh Nam Định.

***Nguyên đơn dân sự:** Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định

- Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Tiến L nhập ngũ tháng 5/1971, huấn luyện tại trung đoàn 19 thuộc tỉnh đội Nam Hà khoảng 3 tháng. Sau đó được điều động vào Nam chiến đấu nhưng khi đi đến Hà Tĩnh, L bị sốt rét, sức khỏe yếu nên được ra Bắc và ra quân. Khi về địa phương, tháng 8/1972, L đăng ký quân dự bị tại Ban chỉ huy quân sự huyện Ý Yên - tỉnh Nam Định. Sau đó Đào Tiến L làm nghề buôn bán cùng với ông Phạm Xuân Q là thương binh (trú tại xã Đ - huyện Y - tỉnh Nam Định). Khoảng năm 1977, thông qua ông Q, L biết ông Nguyễn Trọng Kh (sinh năm 1950, trú tại thôn H - xã V - huyện V - tỉnh Nam Định; là bạn cùng năm an dưỡng ở Đoàn 586 với ông Q thời gian năm 1974-1975) và nhận lời “chạy” giúp chế độ thương binh cho ông Kh khi biết ông Kh bị thương nhưng chưa được hưởng chế độ gì. Ông Kh đã giao toàn bộ hồ sơ chiến trường của bản thân cho L trong đó có Phiếu sức khỏe và quyết định xuất ngũ mang tên Nguyễn Trọng Kh. Khi nhận được hồ sơ chiến trường của ông Kh, L mang về và tẩy xóa Phiếu sức khỏe mang tên Nguyễn Trọng Kh và sửa chữa thành tên Đào Tiến L cùng một số mục trong Phiếu sức khỏe đó với mục đích có giấy tờ để thuận lợi trong việc đi lại buôn bán và sau đó nói dối ông Kh là hồ sơ của ông Kh đã bị mất. Đến năm 1979, L được gọi tái ngũ ở trung đoàn 766, tại đơn vị tái ngũ khi được khám sức khỏe, L trình tờ Phiếu sức khỏe giả nên đơn vị đã trả L về địa phương để giải quyết chính sách với lý do không đủ tiêu chuẩn sức khỏe. Khi về địa phương, trên cơ sở Phiếu sức khỏe giả L được giới thiệu đi khám sức khỏe lần đầu ở Đoàn 586 và được xác định mất 61% sức lao động. Sau đó L dùng Phiếu sức khỏe giả và một số giấy tờ khác nộp cho Ty thương binh xã hội tỉnh Hà Nam Ninh để được hưởng chế độ Bệnh binh. Từ tháng 1/1995 đến 31/3/2016 bị can L đã chiếm hưởng số tiền trợ cấp Bệnh binh là 201.897.200 đồng. Ngoài ra, năm 1985, L sử dụng Giấy chứng nhận bị thương giả có nội dung bị thương năm 1974 tại thành cổ Quảng Trị để lập hồ sơ đề nghị được hưởng chế độ thương binh nhưng theo quy định chỉ hưởng một chế độ trợ cấp cao hơn là chế độ Bệnh binh nên không được hưởng trợ cấp thương tật. Năm 2011, L kê khai gian dối, không đúng thực tế thời gian và nơi tham gia quân đội để lập hồ sơ cho con gái là Đào Thị H bị bệnh tâm thần được hưởng chế độ trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Về hành vi làm giả hồ

sơ chiếm hưởng hơn 201.897.200 đồng tiền chế độ bệnh binh của Đào Tiến L đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.

Cụ thể hành vi gian dối làm hồ sơ cho con gái Đào Thị H hưởng chế độ con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc da cam như sau:

Trong hồ sơ hưởng chế độ của Đào Thị H gồm: Bản khai cá nhân có nội dung: Đào Tiến L nhập ngũ ngày 12/05/1970, thời gian tham gia chiến trường từ 12/5/1970 đến 30/4/1975 ở Khe Xanh, Dốc Miếu, Cồn Tiêu, Mặt trận B5, có con Đào Thị H rối loạn tâm thần, chậm phát triển tâm thần nặng, có rối loạn hành vi bẩm sinh. Giấy chứng nhận của Trạm y tế xã do ông Vũ Minh Q ký ngày 20/3/2011 có nội dung: Đào Thị H đi lệch người, bàn tay vẹo, rối loạn tâm thần nặng, chậm phát triển tâm thần nặng, có rối loạn hành vi bẩm sinh không còn khả năng lao động, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt. Giấy chứng nhận sức khỏe tâm thần do ông Hoàng Văn Nghĩa-Giám đốc Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định ký ngày 24/1/2011 có nội dung: Bệnh nhân Đào Thị H bị rối loạn tâm thần, chậm phát triển tâm thần nặng có rối loạn hành vi, đây là bệnh tâm thần bẩm sinh mãn tính. Bệnh án tâm thần do bác sĩ Trần Thị B điều trị kết luận: Bệnh nhân Đào Thị H vào viện ngày 10/1/2011 và ra viện ngày 24/1/2011, bị chậm phát triển tâm thần nặng có rối loạn hành vi. Biên bản thẩm định thực tế tình trạng dị dạng, dị tật của Phòng LĐTBXH huyện Ý Yên: H bị rối loạn tâm thần theo kết luận của bệnh viện tâm thần, không vẹo đầu, không khuỷu tay, không vẹo chân và nộp giấy chứng nhận bị thương, phiếu sức khỏe nêu trên.

Tại CQĐT, L khai nhận: L nhập ngũ tháng 5/1971 và phục viên năm 1972; năm 1979 đã sử dụng Phiếu sức khỏe giả có được do tẩy xóa, sửa chữa từ Phiếu sức khỏe mang tên Nguyễn Trọng Kh nộp theo hồ sơ đến Ty Thương binh Xã hội tỉnh Hà Nam Ninh để hưởng chế độ Bệnh binh từ năm 1981 và chế độ con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc da cam như nêu trên nhưng bị can không thừa nhận bản thân không tham gia chiến trường bị rải chất độc da cam và khai có tham gia chiến trường ở đơn vị của Sư đoàn 320B và hoạt động ở chiến trường B5 Quảng Trị sau đó năm 1972 bị thương nên được xuất ngũ. Việc làm hồ sơ cho con gái hưởng chế độ là do L chủ động làm vì thấy H bị bệnh tâm thần. Khi có Quyết định được hưởng L trực tiếp nhận tiền và đã sử dụng chi tiêu trong gia đình. H không biết việc làm này của L.

Tài liệu điều tra xác định: Đào Thị H, sinh năm 1973 có 01 chồng và 2 con, mới sinh thêm con thứ 3 ngày 22/2/2017, sống bằng nghề làm ruộng và phụ hồ xây dựng, bản thân H lao động bình thường, hoàn toàn có khả năng tự lực trong sinh hoạt, không có biểu hiện gì liên quan đến bệnh tâm thần, hồi nhỏ có được đi học nhưng học kém, không có dị dạng dị tật. H không biết việc được

hưởng chế độ trợ cấp, chưa lĩnh tiền bao giờ. Việc làm hồ sơ không biết, chỉ thấy L bảo làm gì thì làm theo. Thường ngày làm ruộng, thỉnh thoảng làm phụ hồ. Năm 2011 L cho đi khám ở Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định sau đó về cũng không biết kết quả khám như thế nào.

Tại sổ đăng ký quân nhân dự bị hạng 1 có tên Đào Tiến L, nhập ngũ 14/5/1971, đơn vị D5F320BE52, xuất ngũ 9/8/1972.

Tại sổ lưu danh sách quân nhân phục viên, xuất ngũ từ năm 1970 đến năm 1972 của Sư đoàn 390 (trước đây là Sư đoàn 320B) không có tên quân nhân là Đào Tiến L, sinh năm 1949 trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại Bản kết luận giám định số 697/GĐKTTHS ngày 20/10/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Nam Định, xác định: Phiếu sức khỏe mang tên Đào Tiến L được sửa chữa từ Phiếu sức khỏe mang tên Nguyễn Trọng Kh.

Tại sổ lưu danh sách khám thương không hạng của Đoàn 586: từ năm 1972 đến 1976 không có tên quân nhân Đào Tiến L.

Ông Vũ Minh Q khai nhận: Ngày 20/3/2011, L đi một mình đến gặp ông xin giấy chứng nhận sức khỏe cho H để làm chế độ chất độc da cam. L không đưa ra bất cứ giấy tờ gì chứng minh về tình trạng bệnh tật của mình và của H. Nội dung kết quả khám hoàn toàn do L đọc cho ông ghi, không trực tiếp khám cho H và L. Bản thân vẫn gặp chị H đi chợ Vọng Chiêu, xã Yên Đồng (gần nhà ông Q), về cách đi đứng thấy chị H đi lại như một người bình thường, không khoèo tay, khoèo chân gì nhưng khi kết luận do cả nể nên đã ghi vào những nội dung ông L đọc chứ không vì mục đích kinh tế.

Ông Hoàng Văn Ng – Giám đốc Bệnh viện tâm thần cung cấp: Căn cứ vào khả năng học tập, khả năng nhận thức và kỹ năng xã hội của H kém hơn so với người bình thường để xác định H bị bệnh rối loạn tâm thần F27.1. Việc mắc bệnh của H có thể do nhiều nguyên nhân gây ra, ví dụ như: bệnh phát sinh của người mẹ trong quá trình mang thai, bệnh từ khi còn bé bị chấn thương.

Đối với hành vi cùng L đi chụp ảnh nộp vào hồ sơ và đi thẩm định tình trạng bệnh tật của Đào Thị H: H không biết mục đích của L khi bảo H làm những việc này, H không biết bản thân được hưởng chế độ trợ cấp và không nhận tiền trợ cấp vì vậy xác định H không đồng phạm với L, không xử lý hành vi này của H là phù hợp.

Đối với hành vi tiếp nhận, thẩm định và xét duyệt hồ sơ của cán bộ xã Yên Đồng, Phòng LĐTB xã hội huyện Ý Yên và Sở LĐTBXH tỉnh Nam Định: không biết được các giấy tờ L sử dụng nộp vào hồ sơ là giả, có kết luận của Bệnh viện tâm thần tỉnh Nam Định về bệnh của H, có thẩm định thực tế. Vì vậy

xác định các cán bộ có liên quan đã làm hết trách nhiệm nên không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi cấp giấy chứng nhận sức khỏe của ông Vũ Minh Q, giấy chứng nhận sức khỏe tâm thần của ông Hoàng Văn Nghĩa cho Đào Thị H có nội dung không đúng sự thật, CQĐT tách ra để tiếp tục điều tra do chưa giám định được tình trạng tâm thần của H.

Cáo trạng số 66/QĐ-KSDT ngày 23/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đào Tiến L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS

Tại phiên tòa sơ thẩm:

*Bị cáo Đào Tiến L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và xác định đã bị VKSND tỉnh Nam Định truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng không oan.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và Q định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt bị cáo Đào Tiến L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; bằng lời khai của người làm chứng; biên bản thu giữ vật chứng; bằng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở kết luận:

Đào Tiến L nhập ngũ tháng 5/1971, huấn luyện tại trung đoàn 19 thuộc tỉnh đội Nam Hà khoảng 3 tháng. Sau đó được điều động vào Nam chiến đấu nhưng khi đi đến Hà Tĩnh, L bị sốt rét, sức khỏe yếu nên được ra Bắc và ra quân. Đào Tiến L biết rõ bản thân không có thời gian tham gia chiến trường nơi quân đội Mỹ rải chất độc da cam từ tháng 8/1961 đến ngày 30/4/1975; L biết rõ

con gái là Đào Thị H có sức khỏe và thần kinh bình thường - không đủ điều kiện hưởng chế độ con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc da cam theo quy định; Nhưng nhằm mục đích để con gái được lĩnh tiền trợ cấp của Nhà nước, L đã sử dụng Phiếu sức khỏe giả, Giấy chứng nhận bị thương giả, lập hồ sơ nộp cho cơ quan có thẩm quyền để con gái là Đào Thị H được hưởng chế độ trợ cấp con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc da cam, L đã lĩnh tiền trợ cấp cho H từ tháng 03/2012 đến ngày 31/3/2016 chiếm đoạt 34.731.000 đồng từ ngân sách Nhà nước.

Hành vi của Đào Tiến L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do số tiền mà bị cáo đã chiếm hưởng là 34.731.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước, cụ thể đã gây thiệt hại đến ngân sách do Nhà nước quản lý. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, tự nhận thức được việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với tính chất tội phạm nghiêm trọng, được thể hiện ở số tiền mà bị cáo đã chiếm hưởng. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo các quy định của pháp luật.

Khi lượng hình, xét thấy tài sản bị cáo L chiếm đoạt là tài sản của Nhà nước, theo quy định của BLHS năm 1999 thì bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “xâm phạm tài sản Nhà nước” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 BLHS, nhưng do BLHS năm 2015 đã bỏ tình tiết tăng nặng “xâm phạm tài sản Nhà nước”; Do đó căn cứ NQ 41 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng tình tiết tăng nặng này cho bị cáo L, vì vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 48 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; tác động gia đình tự nguyện nộp lại một phần số tiền đã chiếm hưởng; bản thân bị cáo cũng có thời gian dài phục vụ trong quân đội. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với hành vi làm giả hồ sơ để hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước – chiếm đoạt tiền của Ngân sách Nhà nước, nên tuy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, nhưng đối chiếu với các quy định của pháp luật thấy cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt tù trong khung đã truy tố và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Như vậy mới đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định của pháp luật, toàn bộ số tiền 34.731.000 đồng bị cáo Đào Tiến L đã được chiếm hưởng từ việc gian dối làm hồ sơ giả để lĩnh tiền trợ cấp của Nhà nước, cần phải được thu hồi trả lại cho Ngân sách Nhà nước - số tiền này thuộc quyền quản lý của Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Đào Tiến L đã tự nguyện bồi thường 05 triệu đồng, còn phải bị truy thu tiếp 29.731.000 đồng.

Căn cứ Điều 99 BLTTHS và Pháp lệnh về án phí lệ phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Tiến L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt bị cáo Đào Tiến L 09 (chín) tháng tù.

Căn cứ Điều 51 BLHS: Tổng hợp hình phạt với bản án số 71/2016/HSST ngày 14/9/2016 của TAND tỉnh Nam Định đã phạt bị cáo Đào Tiến L 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2017 (được trừ đi thời gian bị cáo đã thi hành hình phạt tù trong bản án trước từ ngày 05/3/2016 đến ngày 19/9/2017)

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS:

Truy thu của bị cáo Đào Tiến L số tiền 34.731.000 đồng để hoàn trả lại cho Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Nam Định, được trừ đi số tiền 05 (năm) triệu đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cục thi hành án dân sự, bị cáo Đào Tiến L còn phải truy thu tiếp 29.731.000 đồng.

(Theo Biên lai thu tiền số 08419 ngày 13/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định)

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Đào Tiến L phải nộp 200.000 đồng.

Báo bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; CA - VKS tỉnh ND
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định
- Bị cáo; Người tham gia tt
- UBND xã
- Lưu HS, tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Mai Hương